

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-3-2025
V/v Ly hôn, chia
tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Duyên Văn Hiền.

Ông Trần Hoàng Nghiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thuý Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Nhật H, sinh năm: 2002; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ánh N, sinh năm: 2005; địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Nhật H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N sống chung năm 2024, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Hiện tại vợ chồng anh đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh xác định anh và chị N không có con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định tài sản chung của anh chị bao gồm số vàng cho trong ngày cưới mà hiện chị N đang giữ là 01 lượng vàng 24K, bao gồm: 01 chiếc lắc đeo tay trọng lượng 05 chỉ vàng 24K và 01 dây chuyền trọng lượng 05

chỉ vàng 24K.

Anh đồng ý chia đôi giá trị với chị N về tài sản chung này, yêu cầu chị N trả lại anh 05 chỉ vàng 24K.

Ngoài tài sản chung nêu trên anh chị không có tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đơn đề nghị và tự khai ngày 12 tháng 3 năm 2025, bị đơn Nguyễn Ánh N trình bày:

Chị thống nhất với yêu cầu ly hôn của anh H, xác định việc cho một lượng vàng cưới là có thật, hiện chị đang đi làm xa nên yêu cầu được xét xử vắng mặt chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Nhật H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Nguyễn Ánh N, yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Ánh N có nơi trú tại ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/6/2024 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh H yêu cầu được ly hôn và chị N đồng ý ly hôn. Xét thấy các đương sự thuận tình ly hôn nên áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh H và chị N.

[3] Về con chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh H và chị N thống nhất xác định tài sản chung gồm có: 01 lượng vàng 24K (01 chiếc lắc đeo tay trọng lượng 05 chỉ vàng 24K và 01 dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24K) được cha mẹ anh H cho vợ chồng trong ngày cưới, anh H yêu cầu được phân chia số tài sản trên, yêu cầu chị N trả lại anh 05 chỉ vàng 24K. Xét, cả hai đều thừa nhận có việc tặng cho tài sản chung trong ngày cưới là 01 lượng vàng 24K, chị N là người trực tiếp nhận số vàng này trong ngày cưới, dù trong các tài liệu gửi tòa chị N không đề cập đến việc ai là người hiện đang giữ số vàng trên nhưng theo phong tục trong ngày cưới, vàng cưới sẽ được trao trực tiếp cho cô dâu làm quà cưới, mặt khác chị N thừa nhận trong bản tự khai về việc mẹ chồng là bà Phạm Thị M có gọi điện để đòi chị 01 lượng vàng 24K cho trong tiệc cưới, ông Phan Minh H1 là người trực tiếp làm chủ lễ trong ngày

cưới cũng thừa nhận có việc cho dâu 01 lượng vàng như trên (nội dung được thể hiện trong Giấy xác nhận ngày 07/3/2025 của ông H1 có xác nhận chữ ký của ông). Từ những phân tích trên có đủ cơ sở xác định hiện chị N là người đang trực tiếp giữ số vàng này, do đây là tài sản chung của anh chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu anh H về việc buộc chị N giao trả lại anh H 05 chỉ vàng 24K. Anh H xác định không còn tài sản chung nào khác nên không xét. Trường hợp có phát sinh về tài sản chung các đương sự có quyền khởi kiện trong một vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Ngoài ra anh H và chị N còn phải chịu $5\% \times 90.000.000$ đồng (lấy giá vàng là 9.000.000đ/chỉ làm căn cứ tính án phí) = 4.500.000 đồng án phí đối với phần tài sản được chia, mỗi người phải chịu là 2.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Nhựt H và chị Nguyễn Ánh N.

2. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của anh Phạm Nhựt H và chị Nguyễn Ánh N là 10 (mười) chỉ vàng 24K. Hiện chị N đang giữ.

Chia giao cho anh Phạm Nhựt H sở hữu 05 (năm) chỉ vàng 24K. Buộc chị Nguyễn Ánh N giao lại cho anh Phạm Nhựt H 05 (năm) chỉ vàng 24K.

Chia giao cho chị Nguyễn Ánh N 05 (năm) chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Phạm Nhựt H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và phải chịu 2.250.000 (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí phân chia tài sản nhưng được khấu trừ vào 1.421.000 (một triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0005175, 0005176 ngày 16 tháng 02 năm 2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thới,

tỉnh Cà Mau. Anh Phạm Nhựt H còn phải nộp tiếp 1.129.000 (một triệu một trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Ánh N phải nộp 2.250.000 (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí phân chia tài sản.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT và THA
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND xã Khánh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Nguyễn Văn Hợp